

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 02 - 2021
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh – Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/TBXX ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 25/09/2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra tranh cãi, lăng mạ, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị D xác định tình

cảm vợ chồng đã hết, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị D và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/8/2008 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2014. Ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra tranh cãi, lăng mạ, xúc phạm nhau, chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh D. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh D vắng mặt, không có lý do thể hiện anh D không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/8/2008 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2014, khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc

con chung của chị D là chính đáng, phù hợp với nguyện của cháu T và cháu Đ. Anh D không có ý kiến gì đối với việc nuôi con chung nên giao cháu T, cháu Đ cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Do chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên anh D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị D, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Chị D, anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/8/2008 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2014 cho đến khi cháu T, cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu Đ và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0006688, ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. H, Tp. Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền